

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2025/DS-PT

Ngày 14/7/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ
tài sản và thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 312/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1949.

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Số C KV T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số C KV T, phường C, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hồ Thế P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số G đường số A, Khu dân cư D, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Số G đường số A, Khu dân cư D, phường H, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

- Bị đơn: Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H.

Trụ sở: B N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Anh T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H - Chi nhánh C1. Địa chỉ: số A M, phường A,

quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số A M, phường C, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Bích N, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số D KV T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số D KV T, phường C, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số E H, phường N, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. Bà Nguyễn Ngọc T1; Địa chỉ: Số A M (Toàn bộ tầng 2,3,4) phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số A M (Toàn bộ tầng 2,3,4), phường C, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố C. Trụ sở: Số 138x/20 N, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ (nay là số 138x/20 N, phường T, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

4. Nguyễn Trần Kim T2, sinh năm: 2013 và Nguyễn Trần Minh T3, sinh năm: 2013.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Bích N (mẹ ruột đối với các con chưa thành niên). Địa chỉ: Số D KV T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số D KV T, phường C, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

-Người làm chứng:

1, Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1973.

2. Phạm Thị Thu T4, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: 3 Khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là 376/1 Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ).

3. Nguyễn Thái B, sinh năm: 1977.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: số D Khu V K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số số 457/273 Khu vực K, phường H, thành phố Cần Thơ).

5. Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: số D khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số 412A khu vực T, phường C, thành phố Cần Thơ).

6. Mai Thị Kiều L. Địa chỉ: số G P, khóm A, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là số G P, khóm A, phường A, thành phố C)

- Người kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn Q là nguyên đơn.

2. Bà Trần Thị Bích N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Các nguyên đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị V tranh chấp số tiền gửi tiết kiệm và lãi suất phát sinh theo sổ tiết kiệm số CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022. Nguồn gốc số tiền trên, bà V và ông Q bán đất đưa nhiều lần, sau đó, bà V cùng con trai là Nguyễn Văn M (chết) đi cùng còn có Q (anh em cột chèo với M) hướng dẫn đem số tiền 1.600.000.000 đồng gửi tiết kiệm ở Ngân hàng H3. Lúc ban đầu bà V định gửi tiết kiệm do bà V đứng tên nhưng khi đến Ngân hàng được cán bộ Ngân hàng—Cô T1 hướng dẫn để cho con trai tên M đứng tên vì bà V lớn tuổi. Sau khi nghe hướng dẫn, bà V và M thống nhất mở sổ tiết kiệm 1,6 tỷ đồng với thời hạn 06 tháng đứng tên M.

Sau đó, M bị tai nạn giao thông và qua đời, làm đám tang bên gia đình cha mẹ ruột và gia đình bà V có làm giấy chứng tử. Vì ông M và bà N không sống chung với nhau nhiều năm, ông M ở chung với bà V và ông Q còn bà N sinh sống bên cha mẹ ruột của N. Sau khi ông M chết, gia đình có đến Ngân hàng để rút tiền nhưng khi bà N đến Ngân hàng thì được hướng dẫn số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng phát sinh thừa kế. Từ đó, bà N không đồng ý ký tên để bà V, ông Q rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng. Bà V và ông Q đến liên hệ Ngân hàng nhiều lần cũng không được giải quyết cho rút tiền nên các bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Khi còn sống Nguyễn Văn M làm bảo vệ nên không có tài sản, thu nhập nào khác ngoài lương. Do đó, tài sản tranh chấp không phải của hai vợ chồng M và N như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của N. Vì vậy, bà V không đồng ý phân chia thừa kế theo yêu cầu độc lập của người liên quan. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 1292, tờ bản đồ 7A, diện tích 1.122,3m² đất đã chỉnh lý sang tên ông Nguyễn Văn M ngày 27/6/2019. Nguồn gốc đất vợ chồng ông Q, bà V nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn G1 và bà Nguyễn Thị Á từ năm 2002, khi mua bán có làm giấy tay nhưng chưa sang tên, mua với giá là 35 chỉ vàng 24K. Lý do chưa sang tên bà V, ông Q là vì giấy chứng nhận QSDĐ ông G1 thế chấp tại Ngân hàng, khi nào ông G1 rút giấy chứng nhận ra thì làm thủ tục sang tên. Đến năm 2019, ông G1, bà Á chuộc đất từ Ngân hàng để sang tên cho ông Q, bà V nhưng khi đó vợ chồng bà V lớn tuổi nên để con là M đứng tên giùm chứ thực tế phần đất này không phải của vợ chồng ông M và bà N. Sau khi ông M đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ do vợ chồng bà V giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi ông M qua đời trong lúc đám tang thì vợ của M có đến nhà lén lút lấy các giấy tờ tùy thân do ông M đứng tên như giấy tờ xe, căn cước công dân và giấy chứng nhận QSDĐ cho đến khi gia đình phát hiện thì có gặp N để yêu cầu trả lại đến nay N chỉ trả giấy tờ tùy thân của M còn bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thì N giữ. Đồng thời, toàn bộ diện tích đất tranh chấp do vợ chồng bà V, ông Q trực tiếp canh tác từ năm 2002 cho đến nay, trên đất trồng nhiều loại cây lâu năm. Nguyên đơn thống nhất Bản trích đo địa chính số 167/TTKTTNMT ngày 26/02/2024; Đối với đơn rút một phần khởi kiện yêu cầu độc lập nguyên đơn không có ý kiến.

Riêng đối với số tiền bảo hiểm chi trả cho Nguyễn Văn M trước đây nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Nhưng tại

phiên tòa hôm nay, bà V thống nhất giao cho N toàn bộ số tiền Bảo hiểm xã hội chi trả cho M mà không tranh chấp.

Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận số tiền gửi tiết kiệm và lãi suất phát sinh theo sổ tiết kiệm số CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Q và bà V. Buộc Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H trả cho ông Q và bà V số tiền trên sổ tiết kiệm và lãi nêu trên tổng cộng là 1.907.399.518 đồng (tính ngày 13/3/2025).

** Ý kiến của đại diện bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm:*

Ngân hàng không biết lý do vì sao Ngân hàng bị khởi kiện, bởi vì sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng mà người đứng tên trên sổ chết thì phát sinh thừa kế là đương nhiên.

Khách hàng gửi tiền tiết kiệm đến Ngân hàng thì Ngân hàng tư vấn về thời hạn và lãi suất mà Ngân hàng không có nghĩa vụ chứng minh nguồn tiền ở đâu có. Lý do Ngân hàng chưa chi trả số tiền này vì, ông M chết chưa thống nhất người thừa kế nên Ngân hàng chưa chi trả. Khi nào gia đình thống nhất người thừa kế thì Ngân hàng sẽ chi trả đầy đủ vốn và lãi.

Đối với số tiền trên thẻ tiết kiệm CD 3627000 do ông Nguyễn Văn M (chết) đứng tên chủ sở hữu hợp pháp. Số tiền vốn lãi phát sinh tạm tính đến 13/3/2025 là 1.907.399.518 đồng. Vì ông M chết nên Ngân hàng hướng dẫn ông Q, bà V cung cấp thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế để Ngân hàng làm cơ sở chi trả số tiền tiết kiệm do ông M đứng tên (văn bản trả lời bà Nguyễn Thị V ngày 18/01/2023).

Đối với lời khai bà M tại thời điểm gửi tiền do cán bộ Ngân hàng – cô T1 hướng dẫn thì Ngân hàng không chứng kiến nên không có ý kiến.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng sẽ chi trả tiền căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 30/8/2023 và quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích N trình bày:

Bà N không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Vì chiếu theo trả lời Ngân hàng tại văn bản ngày 18/01/2023 đối với số tiền gửi tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Văn M (chết) phát sinh thừa kế. Sau khi ông M chết, gia đình chồng làm khai tử, bà N là vợ hiện tại nuôi hai con nhỏ, bà N chưa yêu cầu phân chia di sản thừa kế vì giấy tờ liên quan việc ông M chết thì bên nhà chồng đang giữ. Nguồn gốc số tiền 1.600.000.000 đồng là tài sản chung của hai vợ chồng, bà N tập trung nuôi hai con sinh đôi và còn nhỏ. Ông M có kinh doanh, mua bán bất động sản nên thu nhập cụ thể như thế nào bà N không rõ.

Người liên quan đã nộp đơn yêu cầu độc lập khởi kiện chia thừa kế, cụ thể bà N khởi kiện hàng thừa kế thứ nhất của ông M là cha mẹ chồng bà V và ông Q,

yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế là số tiền sổ tiết kiệm 1.600.000.000 đồng ông M đứng tên và tiền lãi phát sinh; Quyền sử dụng thửa đất số 1292, tờ bản đồ 7A, diện tích 1.122,3m² đất đã chỉnh lý sang tên ông Nguyễn Văn M ngày 27/6/2019; Quyền lợi bảo hiểm xã hội theo giấy xác nhận cơ quan bảo hiểm xã hội Thành phố C ngày 04/8/2020. Đồng thời, bà N yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung đối với tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, sau đó phân di sản ông M để lại thì chia thừa kế. Đối với bản trích đo địa chính số 167/TTKTTNMT ngày 26/02/2024 đại diện bà N thống nhất.

Ngày 11/10/2024 bà N có gửi đơn rút một phần đơn khởi kiện về nội dung tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung đối với toàn bộ diện tích đất theo kết quả thẩm định, đo đạc tại C, các yêu cầu phân chia còn lại theo đơn giữ nguyên như yêu cầu sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, sổ tiền bảo hiểm của ông M. Tại phiên tòa nguyên đơn không tranh chấp số tiền tử tuất và thống nhất để N liên hệ Bảo hiểm xã hội làm thủ tục nhận tiền thì đề nghị công nhận; Số tiền sổ tiết kiệm vốn và lãi đề nghị Tòa án chấp nhận phân chia tài sản chung của vợ chồng N-M vì trong thời kỳ hôn nhân (N và M tiến tới hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn). Năm 2022 Nguyễn Văn M gửi tiền tiết kiệm 1,6 tỷ cho nên 50% là tài sản của N, 50% còn lại chia thừa kế theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Ngọc T1 xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và bà T1 nộp bản tự khai trình bày ý kiến: Ngày 30/5/2022, bà V và ông M đến H4 và có nhu cầu gửi tiết kiệm. Bà T1 cùng Giao dịch viên tư vấn cho khách hàng về các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm tại H4. Sau khi được tư vấn, bà V và ông M lựa chọn kỳ hạn gửi 06 tháng và nhận lãi cuối kỳ, mức lãi suất 6.6%/năm. Sau đó, bà V và ông M đã trao đổi và thống nhất về việc để ông M đứng tên người gửi tiết kiệm. Tiếp theo, ông M cung cấp giấy tờ tùy thân, thực hiện mở tài khoản thanh toán, nộp tiền vào tài khoản và các thủ tục gửi tiết kiệm theo quy định của H4.

Lời trình bày của nguyên đơn về việc bà T1 đã hướng dẫn bà V để ông M đứng tên người gửi tiền là không phù hợp với thực tế. Bà T1 chỉ tư vấn các nội dung liên quan đến các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm của H4, các vấn đề liên quan đến nguồn gốc tiền gửi và thỏa thuận giữa bà V và ông M về việc ai là người gửi tiết kiệm là vấn đề nội bộ gia đình khách hàng, được quyết định bởi các cá nhân có năng lực hành vi dân sự. Về phía H4 đã thực hiện quy trình nhận tiền gửi tiết kiệm theo đúng quy định.

- Bảo hiểm xã hội thành phố Cần Thơ xin vắng mặt trong các phiên hòa giải nhưng có cung cấp Công văn số: 1449/BHXXH-CĐBHHX ngày 15/11/2023 trình bày ý kiến:

Theo quy định chế độ tử tuất được giải quyết cho nhân thân người lao động (ông Nguyễn Văn M) được hưởng trợ cấp tử tuất với số tiền là 100.422.992 đồng (trong đó trợ cấp tuất là một lần 85.522.992 đồng, trợ cấp mai táng phí 14.900.000 đồng). Tuy nhiên, tính đến ngày 14/11/2023 Bảo hiểm xã hội thành phố Cần Thơ chưa tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất đối với ông Nguyễn Văn M. Do đó, khi nhân thân của ông Nguyễn Văn M nộp hồ sơ đến cơ quan BHXH quận,

huyện (nơi nhân thân đề nghị hưởng đang cư trú) sẽ thực hiện tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chi trả cho nhân thân người lao động được hưởng theo đúng quy định tại Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của B1 về việc ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp.

*Tất cả những người làm chứng được Tòa án triệu tập hợp lệ, người làm chứng có tự khai nêu lên ý kiến. Lời khai người làm chứng phù hợp với ý kiến của nguyên đơn về nội dung nguồn tiền gửi tiết kiệm là từ chuyển nhượng hai thửa đất 257, 258. Số tiền trên được N giao tại nhà các nguyên đơn và sau đó bà V cùng M đem tiền đi gửi tiết kiệm.

-Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DSST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

Công nhận 2/3 số tiền gửi tiết kiệm vốn và lãi suất phát sinh theo sổ tiết kiệm số CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V.

Khi án có hiệu lực, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-Chi nhánh C1 chi trả cho mỗi người ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V 1/3 số tiền gửi tiết kiệm, tạm tính đến ngày 13/3/2025 là 635.799.839 đồng (vốn: 553.333.333 đồng, lãi: 102.466.506 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích N.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với 1/3 giá trị tài sản của ông Nguyễn V1 (chết) 635.799.839 đồng (tạm tính đến ngày 13/3/2025 vốn: 533.333.333 đồng, lãi: 102.466.506 đồng), được chia làm 05 phần mỗi phần tương ứng số tiền tại thời điểm xét xử là 127.159.967 đồng (vốn: 106.666.667 đồng, lãi: 20.493.300 đồng).

- Bà Nguyễn Thị V, Ông Nguyễn Văn Q mỗi người được nhận 1/5 kỷ phần thừa kế theo pháp luật, tương ứng phần 127.159.967 đồng

- Bà Trần Thị Bích N được nhận 1/5 kỷ phần thừa kế theo pháp luật và các cháu Nguyễn Trần Minh T3, Nguyễn Trần Kim T2 được đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị Bích N nhận mỗi cháu 1 kỷ phần thừa kế theo pháp luật, tổng số tiền bà N được nhận 3/5 kỷ phần tương ứng $127.159.967 \text{ đồng} \times 3 = 381.479.901 \text{ đồng}$

Khi án có hiệu lực Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-chi nhánh C1 chi trả cho người thừa kế ông Nguyễn Văn M (chết) gồm có ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V, Trần Thị Bích N số tiền trên sổ tiết kiệm CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022 và lãi phát sinh theo kết quả phân chia của Tòa án.

3. Đối với số tiền hưởng tử tuất: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên, khi án có hiệu lực bà Trần Thị Bích N được nhận tiền được hưởng tử tuất của ông Nguyễn Văn M (chết) số tiền là 100.422.992 đồng do Bảo hiểm xã hội Thành phố C chi trả

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập bà Trần Thị Bích N phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 1292 tờ bản đồ số 7A diện tích 1122,3m² tại KV T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 09435 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/06/2019 chính lý trang 4 tên Nguyễn Văn M ngày 09/7/2019.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích N phải chịu là 10.000.000 đồng người liên quan đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được nhận số tiền 6.357.000 đồng. Bà Trần Thị Bích N được nhận lại số tiền 34.619.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000355 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 27/3/2025, nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ) theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích N.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Bích N cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện và khách quan, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M như vậy là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ) theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật. Các bên kháng cáo nhưng không có

chứng cứ mới nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và chia thừa kế tài sản. Toà án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Từ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/5/2022, chứng thư thẩm định giá, lời khai của các đương sự và nhân chứng, cũng như việc bà V và ông M trực tiếp đến ngân hàng gửi tiết kiệm 1,6 tỷ đồng, có đủ căn cứ xác định số tiền này có nguồn gốc từ việc bán hai thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn Q. Hộ gia đình sử dụng đất còn có ông Nguyễn Văn M. Điều này thể hiện qua sự đồng thuận của ông M trong các hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định số tiền trên là tài sản của bà V, ông Q và ông M là có căn cứ.

[3] Việc bà V và ông Q đã chứng minh được tài sản trên là tài sản từ việc chuyển nhượng các quyền sử dụng đất của hộ gia đình phía bà V, ông Q, không phải là tài sản chỉ do ông M tạo lập. Điều này phù hợp với lời khai của bà N về công việc và thu nhập của ông M lúc còn sống. Mặc dù, tại phiên toà phúc thẩm, phía bà N cung cấp tài liệu để chứng minh bản thân có thu nhập từ việc nuôi yến, có xác nhận của ông Trần Văn H2 (cha bà N) là chủ cơ sở nuôi yến. Tuy nhiên, các tài liệu này không chứng minh được mức thu nhập cụ thể. Do đó, việc bà N cho rằng số tiền gửi tiết kiệm là tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Hồ sơ thể hiện, hai thửa đất đã bán để có số tiền 1,6 tỷ đồng gửi ngân hàng là đất cấp cho hộ. Theo sổ hộ khẩu gia đình, ngoài ông Q, bà V, ông M thì những người như Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn T5 có tên trong hộ khẩu vào thời điểm cấp đất. Hội đồng xét xử thấy rằng, các ông bà H, Y, C, T5 chỉ có tên trong hộ khẩu, chứ không phải là thành viên hộ gia đình cùng sinh sống, canh tác, góp phần tôn tạo tài sản. Giai đoạn xét xử sơ thẩm, các ông bà cũng không đề cập ý kiến này nên không có quyền tài sản đối với số tiền tranh chấp. Ông M là thành viên của hộ gia đình. Ông M chết nên Toà án cấp sơ thẩm phân chia di sản của ông M trong số tiền có được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình là đúng quy định tại các Điều 649, Điều 650 và Điều 652 Bộ luật dân sự.

[5] Từ những nhận định trên cho thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định tại Điều

148 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Công nhận 2/3 số tiền gửi tiết kiệm vốn và tiền lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-Chi nhánh C1 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V.

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-Chi nhánh C1 chi trả cho mỗi người gồm ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V 1/3 số tiền gửi tiết kiệm (gồm vốn và lãi tương ứng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bích N:

- Công nhận 1/3 số tiền gửi tiết kiệm vốn và tiền lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số CD 3627000 phát hành ngày 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-Chi nhánh C1 là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn M để lại.

- Chia di sản thừa kế của ông M để lại như sau:

+ Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Q mỗi người được nhận 1/5.

+ Bà Trần Thị Bích N được nhận 1/5.

+ Các cháu Nguyễn Trần Minh T3 và Nguyễn Trần Kim T2, mỗi người được nhận 1/5, do bà Trần Thị Bích N là người đại diện nhận.

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H-chi nhánh C1 có trách nhiệm chi trả cho mỗi người được hưởng theo kỹ phần nêu trên.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bên, khi án có hiệu lực bà Trần Thị Bích N được nhận tiền được hưởng tử tuất của ông Nguyễn Văn M (chết) số tiền là 100.422.992 đồng do Bảo hiểm xã hội Thành phố C chi trả

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bích N phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 1292 tờ bản đồ số 7A diện tích 1122,3m² tại KV T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 09435 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/06/2019 chỉnh lý trang 4 tên Nguyễn Văn M ngày 09/7/2019.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Bích N phải chịu là 10.000.000 đồng, đã nộp và chi xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích N phải chịu 6.357.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp (34.619.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000355 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều

(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ), bà N được nhận lại 28.262.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 005948 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ) thành án phí, coi như bà N đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Khu Vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 -Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chế Linh